Người ký: CẢNG VỤ HÀNG HẢI CẦN THƠ
Email: cangvu.cto@vinamarine.gov.vn
Cơ quan: CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY VIỆT NAM, BỘ XÂY DỰNG
Thời gian ký: 04.09.2026 16:19:12 +07:00

CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY VIỆT NAM
**CẢNG VỤ HÀNG HẢI CẦN THƠ**

Số: 224 /QĐ-CVHHCT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Cần Thơ, ngày 01 tháng 7 năm 2026*

# QUYẾT ĐỊNH
## Ban hành Nội quy cảng biển thuộc khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ

## GIÁM ĐỐC CẢNG VỤ HÀNG HẢI CẦN THƠ

*Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải và các nghị định sửa đổi, bổ sung;*

*Căn cứ Thông tư số 18/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quy định về tổ chức và hoạt động của cảng vụ hàng hải, cảng vụ đường thủy nội địa;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2026/TT-BXD ngày 07 tháng 01 năm 2026 của Bộ Xây dựng Công bố vùng nước cảng biển, khu vực hàng hải thuộc địa phận Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Tây Ninh, tỉnh Đồng Tháp và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ Thông tư số 06/2026/TT-BXD ngày 13 tháng 02 năm 2026 của Bộ Xây dựng Công bố vùng nước cảng biển, khu vực hàng hải thuộc địa phận tỉnh An Giang, tỉnh Cà Mau và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Kiên Giang;*

*Căn cứ Thông tư số 07/2026/TT-BXD ngày 13 tháng 02 năm 2026 của Bộ Xây dựng Công bố vùng nước các cảng biển, khu vực hàng hải thuộc địa phận thành phố Cần Thơ, tỉnh Vĩnh Long và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ;*

*Căn cứ Quyết định số 57/QĐ-TCCB ngày 07 tháng 11 năm 1992 của Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam (nay là Cục Hàng hải và Đường thuỷ Việt Nam) về thành lập Cảng vụ Cần Thơ (nay là Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ);*

*Căn cứ Văn bản số 7927/CHHĐTVN-PC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Cục Hàng hải và Đường thuỷ Việt Nam về xây dựng Nội quy cảng biển;*

*Căn cứ Văn bản số 4219/CHHĐTVN-PC ngày 22 tháng 6 năm 2026 của Cục Hàng hải và Đường thuỷ Việt Nam về việc rà soát, hoàn thiện Nội quy cảng biển thuộc khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ;*

*Căn cứ Văn bản số 4526/CHHĐTVN-PC ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Cục Hàng hải và Đường thuỷ Việt Nam về việc phê duyệt Nội quy cảng biển thuộc khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý kết cấu hạ tầng.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành Nội quy cảng biển thuộc khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 245/QĐ-CVHHCT ngày 25/10/2020 của Giám đốc Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ về việc ban hành Nội quy cảng biển thuộc địa phận các tỉnh Trà Vinh, Sóc Trăng; các cảng biển trên sông Hậu thuộc địa phận các tỉnh Hậu Giang, Vĩnh Long, Đồng Tháp, thành phố Cần Thơ và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ.

**Điều 3.** Các phòng, đại diện trực thuộc Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 3;
- Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam (để b/c);
- UBND tỉnh Vĩnh Long (để b/c);
- UBND thành phố Cần Thơ (để b/c);
- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Vĩnh Long;
- Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố Cần Thơ;
- Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Vĩnh Long;
- Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng thành phố Cần Thơ;
- Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh An Giang;
- Sở Xây dựng tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Xây dựng thành phố Cần Thơ;
- Sở Xây dựng tỉnh An Giang;
- Sở Xây dựng tỉnh Đồng Tháp;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Cần Thơ;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục Hải quan khu vực XIX;
- Hải quan Cửa khẩu cảng Cần Thơ;
- Hải quan Hậu Giang;
- Hải quan Sóc Trăng;
- Hải quan Cửa khẩu cảng Trà Vinh;
- Trạm Công an Cửa khẩu cảng Cần Thơ;
- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Vĩnh Long;
- Trung tâm kiểm soát bệnh tật thành phố Cần Thơ;
- Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng IX;
- Cơ quan Thú y Vùng VII;
- Hải quan Cửa khẩu Cảng Mỹ Thới;
- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh An Giang;
- Đồn Biên phòng Cửa khẩu Cảng Mỹ Thới;
- Website Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ;
- Lưu: VT, QLKCHT.

**GIÁM ĐỐC**

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
CẢNG VỤ HÀNG HẢI CẦN THƠ
CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY VIỆT NAM

**Vũ Đăng Vượng**

# NỘI QUY CẢNG BIỂN
# THUỘC KHU VỰC QUẢN LÝ CỦA CẢNG VỤ HÀNG HẢI CẦN THƠ

## CHƯƠNG I
## QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nội quy này quy định về hoạt động hàng hải tại vùng nước cảng biển, khu vực hàng hải thuộc địa phận thành phố Cần Thơ, tỉnh Vĩnh Long, tỉnh Đồng Tháp, tỉnh An Giang thuộc khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ được Bộ Xây dựng công bố tại Thông tư số 07/2026/TT-BXD ngày 13/02/2026; Thông tư số 06/2026/TT-BXD ngày 13/02/2026 và Thông tư số 01/2026/TT-BXD ngày 07/01/2026 (sau đây viết tắt là Cảng biển Cần Thơ).

### Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nội quy này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân, tàu thuyền Việt Nam và nước ngoài hoạt động tại Cảng biển Cần Thơ.

2. Các quy định về an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, phòng chống cháy, nổ và phòng ngừa ô nhiễm môi trường tại Nội quy này cũng được áp dụng đối với cảng, cảng cá và cảng, bến thủy nội địa nằm trong Cảng biển Cần Thơ.

### Điều 3. Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng biển

1. Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hàng hải tại Cảng biển Cần Thơ là Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ (sau đây viết tắt là Cảng vụ hàng hải) có trụ sở và các đại diện như sau:

a) Trụ sở chính;

b) Đại diện An Giang;

c) Đại diện Hậu Giang;

d) Đại diện Trà Vinh;

2. Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành khác tại Cảng biển:

a) Chi cục Hải quan khu vực XIX;

b) Hải quan Cửa khẩu cảng Cần Thơ;

c) Hải quan Hậu Giang;

d) Hải quan Sóc Trăng;

đ) Hải quan Cửa khẩu cảng Trà Vinh;

e) Trạm Công an Cửa khẩu cảng Cần Thơ;

g) Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Vĩnh Long;

h) Trung tâm kiểm soát bệnh tật thành phố Cần Thơ;

i) Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng thành phố Cần Thơ;

k) Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Vĩnh Long;

l) Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng IX;

m) Cơ quan Thú y Vùng VII;

n) Hải quan Cửa khẩu Cảng Mỹ Thới;

o) Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh An Giang;

p) Đồn Biên phòng Cửa khẩu Cảng Mỹ Thới.

3. Thông tin chi tiết được nêu tại Phụ lục I của Nội quy này.

# CHƯƠNG II

# QUY ĐỊNH CỤ THỂ

## MỤC 1

## THÔNG TIN LIÊN LẠC TẠI CẢNG BIỂN

**Điều 4. Thông tin liên lạc**

1. Tổ chức, cá nhân, tàu thuyền liên lạc với Cảng vụ hàng hải theo quy định tại Điều 3 của Nội quy này.

2. Tàu thuyền sử dụng VHF thực hiện theo quy định dưới đây:

a) Tàu thuyền trang bị VHF theo quy định hoạt động tại cảng biển phải duy trì liên lạc với Cảng vụ hàng hải trên các kênh VHF được chỉ định; trường hợp không được chỉ định, phải duy trì sự liên lạc trên các kênh VHF như sau: Kênh trực chung: Kênh 16; Kênh làm việc: Kênh 09 và các kênh khác được chỉ định là kênh làm việc.

b) Tên tàu thuyền hoặc tên tổ chức, cá nhân chỉ được nêu không quá ba lần trong một lần gọi hoặc trả lời. Trên kênh trực chung, việc gọi và trả lời phải được tiến hành nhanh chóng và chuyển sang kênh làm việc.

c) Tất cả tàu thuyền, tổ chức và cá nhân không được làm ảnh hưởng đến việc thông tin liên lạc của Cảng vụ hàng hải trên kênh 09, 16. Nghiêm cấm tàu thuyền khi hoạt động trong vùng nước cảng biển sử dụng VHF vào mục đích riêng trên các kênh 09, 16.

3. Ngôn ngữ sử dụng trên VHF khi liên lạc, làm việc là tiếng Việt hoặc tiếng Anh.

4. Các điểm gọi báo cáo:

Tàu thuyền khi đến, rời và đi qua vùng nước cảng biển phải thực hiện chế độ gọi báo cáo như sau:

a) Điểm gọi 1: Khi vào/rời vùng nước cảng biển.

b) Điểm gọi 2: Khi đến điểm giao nhau của Luồng hàng hải Định An - Sông Hậu và Luồng hàng hải cho tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu (khu vực Phao số 69-76).

c) Điểm gọi 3: Khi đã ổn định vị trí neo đậu, cập cầu, buộc phao.

## MỤC 2

## THỦ TỤC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG HÀNG HẢI TẠI CẢNG BIỂN

**Điều 5. Yêu cầu chung đối với tàu thuyền đến, rời và hoạt động tại cảng biển Cần Thơ**

1. Tàu thuyền có các thông số kỹ thuật phù hợp với điều kiện thực tế của luồng hàng hải, vũng quay tàu, vùng đón trả hoa tiêu, cầu cảng, bến phao, khu neo đậu, độ cao tĩnh không của cầu, đường dây điện và các kết cấu hạ tầng hàng hải

khác liên quan. Các trường hợp khác do Giám đốc Cảng vụ hàng hải xem xét, quyết định.

2. Tàu biển nước ngoài, tàu thuyền Việt Nam được trang bị thiết bị tự động nhận dạng (AIS) loại A trước khi đến, rời Cảng biển Cần Thơ, phải cập nhật thông tin hành trình, tên bến cảng hoặc mã cảng hoặc khu neo trên AIS.

**Điều 6. Thông báo, xác báo tàu thuyền đến, rời cảng biển; xác báo thông tin điều động tàu thuyền**

1. Thông báo, xác báo tàu thuyền đến, rời cảng biển

Thông báo, xác báo tàu biển, tàu quân sự, tàu công vụ, tàu ngầm, tàu lặn, thủy phi cơ, kho chứa nổi, giàn di động, phương tiện thủy nội địa mang cấp VR-SB đến, rời cảng biển thực hiện theo quy định tại Điều 87, Điều 88 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

2. Xác báo thông tin về điều động tàu thuyền

a) Trước khi điều động tàu thuyền rời cầu cảng, vị trí neo theo kế hoạch đã được chấp thuận, thuyền trưởng phải xác báo cho Cảng vụ hàng hải biết: Tên tàu thuyền, thời gian chính xác bắt đầu điều động;

b) Ngay sau khi kết thúc việc điều động tàu thuyền cập cầu cảng, cập mạn, buộc phao hay thả neo theo kế hoạch đã được chấp thuận, thuyền trưởng phải thông báo cho Cảng vụ hàng hải biết: Tên tàu thuyền, thời gian chính xác kết thúc điều động và vị trí hiện tại;

c) Việc điều động tàu thuyền neo đậu, di chuyển vị trí, cập cầu, cập mạn hoặc tiến hành các hoạt động tương tự khác trong vùng nước cảng biển và luồng hàng hải thực hiện theo quy định tại Điều 62 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP;

d) Ngoài quy định tại khoản 2 Điều này, tàu thuyền khi hoạt động tại vùng nước cảng biển phải chấp hành quy định tại khoản 3 Điều 63 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và Quy chế quản lý hoạt động của hệ thống VTS và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

**Điều 7. Thủ tục tàu thuyền nhập cảnh, xuất cảnh, đến, rời cảng biển; quá cảnh**

1. Thủ tục đối với tàu thuyền nhập cảnh, xuất cảnh, đến, rời cảng biển (hồ sơ điện tử):

a) Áp dụng đối với tất cả tàu biển hoạt động tuyến nội địa, tàu biển xuất, nhập cảnh vào, rời cảng biển;

b) Người làm thủ tục thực hiện các thủ tục hành chính lĩnh vực hàng hải theo quy định của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP trên Cổng thông tin một cửa quốc gia;

Việc thực hiện theo hình thức điện tử được quy định tại các Điều 82, 83, 84, 85 và 86 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

2. Thủ tục đối với tàu thuyền quá cảnh Việt Nam qua sông Hậu đi Campuchia (Hồ sơ điện tử):

a) Tàu thuyền quá cảnh Việt Nam qua sông Hậu đến Campuchia do Cảng vụ hàng hải chủ trì, phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng biển thực hiện theo Điều 92 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP;

b) Tàu thuyền từ Campuchia quá cảnh Việt Nam qua sông Hậu, người làm thủ tục gửi thông báo, xác báo cho Cảng vụ hàng hải theo Điều 87, Điều 88 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

3. Thủ tục theo cách thức thủ công đối với tàu thuyền:

a) Áp dụng đối với tàu biển trong những trường hợp không thể xử lý hồ sơ trên Cổng thông tin một cửa quốc gia và phương tiện mang cấp VR-SB:

- Việc giải quyết thủ tục tàu thuyền thực hiện theo quy định tại các Điều 89, 90, 94, 95, 96, 97 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP;

- Thời gian và địa điểm làm thủ tục: 24/24 giờ trong ngày và 07 ngày trong tuần (trừ trường hợp làm thủ tục tại tàu theo quy định tại Khoản 3, Điều 77 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP); việc làm thủ tục tàu thuyền thực hiện tại trụ sở chính hoặc văn phòng Đại diện Cảng vụ.

b) Phương tiện thủy nội địa xuất cảnh Việt Nam đi Campuchia: Thực hiện theo quy định tại Điều 79, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP;

c) Các trường hợp miễn, giảm thủ tục đến, rời cảng biển: Thực hiện theo Điều 74, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP;

d) Tàu thuyền nước ngoài đến cảng biển thực hiện hoạt động đặc thù: Thực hiện theo quy định tại Điều 75, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

**Điều 8. Thủ tục đối với các hoạt động hàng hải khác tại cảng biển**

1. Phê duyệt phương án bảo đảm an toàn hàng hải: Trình tự, thời hạn và thủ tục theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và khoản 4 Điều 1 Nghị định 34/2025/NĐ-CP.

2. Thủ tục tàu thuyền thi công công trình hàng hải, nạo vét luồng, khai thác cát hoặc cần cẩu nổi và các thiết bị công trình khác: Trình tự, thời hạn và thủ tục theo quy định tại khoản 3, Điều 62 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

3. Thủ tục chạy thử tàu và neo chờ: Trình tự, thời hạn và thủ tục theo quy định tại Điều 66, Điều 98 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

4. Thủ tục trình kháng nghị hàng hải: Trình tự, thời hạn thủ tục theo quy định tại Thông tư số 30/2016/TT-BGTVT ngày 28/10/2016 của Bộ Giao thông vận tải quy định về trình tự, thủ tục xác nhận việc trình kháng nghị hàng hải.

5. Thủ tục thẩm định, phê duyệt đánh giá an ninh cảng biển: Trình tự, thời hạn và thủ tục theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 27/2011/TT-BGTVT ngày 14/4/2011 của Bộ Giao thông vận tải áp dụng Sửa đổi, bổ sung năm 2002 của Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển năm 1974 ban hành kèm theo Bộ luật quốc tế về an ninh tàu biển và cảng biển.

6. Thủ tục phê duyệt phương án thăm dò, phương án trục vớt tài sản chìm đắm gây nguy hiểm xác định được chủ tài sản chìm đắm trong vùng nước cảng biển: Trình tự, thời hạn và thủ tục theo quy định tại Nghị định số 05/2017/NĐ-CP ngày 16/01/2017 của Chính phủ quy định về xử lý tài sản chìm đắm trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển và vùng biển Việt Nam.

7. Thực hiện thủ tục đề nghị công bố thông báo hàng hải theo quy định tại Chương II, Chương III Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

8. Các hoạt động khác chưa có quy định pháp luật, căn cứ vào tình hình thực tế do Giám đốc Cảng vụ hàng hải xem xét, quyết định.

## MỤC 3

## HOẠT ĐỘNG CỦA TÀU THUYỀN TẠI CẢNG BIỂN

### Điều 9. Lệnh điều động của Giám đốc Cảng vụ hàng hải

1. Lệnh điều động tàu thuyền của Giám đốc Cảng vụ hàng hải được thể hiện thông qua các hình thức sau:

a) Kế hoạch điều động tàu thuyền;

b) Lệnh điều động bản giấy hoặc điện tử;

c) Lệnh điều động trực tiếp qua VHF, điện thoại trong các trường hợp khẩn cấp và cần thiết khác.

2. Sau khi nhận được lệnh điều động, nếu không thể thực hiện, thuyền trưởng hoặc đại diện tàu thuyền có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Cảng vụ hàng hải và nêu rõ lý do để kịp thời xử lý.

3. Yêu cầu bảo đảm an toàn khi điều động tàu thuyền:

a) Thuyền trưởng (hoặc hoa tiêu) phải thông báo cho Cảng vụ hàng hải tại thời điểm bắt đầu và kết thúc việc điều động;

b) Tàu thuyền không được phép vượt qua hay đi vào vùng quay trở khi có tàu thuyền khác đang quay trở;

c) Cấm tàu thuyền vượt hay quay trở khi hành trình trên kênh Tắt, kênh Quan Chánh Bố;

d) Tàu thuyền đang tiến hành quay trở phải tăng cường cảnh giới và áp dụng các biện pháp thích hợp để cảnh báo cho các tàu thuyền khác đang đến gần biết về tình trạng điều động của tàu thuyền mình.

4. Điều động tàu thuyền đến cảng biển:

a) Việc điều động tàu thuyền vào vùng nước cảng biển do Giám đốc Cảng vụ hàng hải chỉ định thông qua Kế hoạch điều động tàu thuyền, căn cứ theo quy định tại Điều 67, Điều 103 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP;

b) Trường hợp tàu thuyền không thể thực hiện đúng Kế hoạch điều động tàu thuyền thì phải thông báo kịp thời cho trực ban Cảng vụ hàng hải biết để phối hợp xử lý.

5. Kế hoạch điều động tàu thuyền hàng ngày được Cảng vụ hàng hải cập nhật tại trang thông tin điện tử: https://cangvuhanghaicantho.gov.vn.

**Điều 10. Hành trình của tàu thuyền trong vùng nước cảng biển**

Tàu thuyền khi hoạt động trong vùng nước cảng biển phải chấp hành Thông tư số 19/2013/TT-BGTVT ngày 06/8/2013 của Bộ Giao thông vận tải quy định việc áp dụng Quy tắc quốc tế về phòng ngừa đâm va tàu thuyền trên biển, quy định có liên quan khác của pháp luật và các yêu cầu dưới đây:

1. Tàu thuyền khi hành trình cùng chiều không được đi gần nhau hoặc thành hàng ngang mà phải đi theo hàng một và luôn giữ khoảng cách an toàn.

2. Thuyền trưởng của tàu thuyền khi hoạt động tại vùng nước cảng biển phải thực hiện các yêu cầu sau đây:

a) Chấp hành chính xác, kịp thời Lệnh điều động của Giám đốc Cảng vụ hàng hải; trường hợp không thể thực hiện ngay thì phải kịp thời thông báo cho Cảng vụ hàng hải để xử lý;

b) Không được neo đậu hoặc dừng lại trên luồng, đường ống và công trình ngầm dưới nước, phía dưới đường dây điện cao thế, cầu qua sông, gần báo hiệu hàng hải hay các khu vực hạn chế khác với bất kỳ lý do gì, trừ trường hợp tàu thuyền bị tai nạn, sự cố. Trong trường hợp bị tai nạn, sự cố, thuyền trưởng phải áp dụng mọi biện pháp phù hợp nhằm bảo đảm an toàn cho tàu mình, tàu thuyền khác và các công trình lân cận, đồng thời nhanh chóng áp dụng mọi biện pháp phù hợp để đưa tàu thuyền đến vị trí neo đậu an toàn theo chỉ định của Giám đốc Cảng vụ hàng hải;

c) Khi hành trình qua khu vực các bến phà, bến khách ngang sông, tàu thuyền phải liên lạc trên VHF theo quy định tại Điều 4 Nội quy này để thống nhất phương án tránh va phù hợp với điều kiện thực tế. Các phà, tàu thuyền chở khách hoạt động trong vùng nước cảng biển phải trang bị VHF và trực liên tục trong quá trình vượt sông để liên lạc với thuyền trưởng, hoa tiêu dẫn tàu nhằm thống nhất phương án tránh đâm va.

3. Trong trường hợp xảy ra sự cố tràn dầu, hạn chế tàu thuyền đi vào vệt dầu loang; phải giảm tốc độ tới mức thấp nhất khi cần thiết phải đi ngang qua hoặc gần khu vực đang tiến hành xử lý sự cố dầu tràn.

4. Tàu thuyền đi cắt ngang luồng phải hành trình theo hướng càng vuông góc với trục luồng càng tốt và có trách nhiệm nhường đường cho các tàu thuyền khác đang hành trình trên luồng.

5. Phương tiện thủy nội địa (không bao gồm phương tiện thủy nội địa mang cấp VR-SB) khi hành trình trên luồng hàng hải, phải đi sát biên luồng và không được gây cản trở tàu biển đang hành trình.

6. Tàu thuyền tốc độ cao khi hành trình qua khu vực hai bên bờ sông Hậu, Luồng cho tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu, khu vực có công trình đang thi công, ụ nổi, bến phà, bến khách ngang sông phải giảm tốc độ phù hợp, tăng cường cảnh giới, bảo đảm an toàn cho người, phương tiện và công trình trong khu vực khi hành trình ngang qua.

7. Đối với Luồng hàng hải cho tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu (Luồng sông Hậu):

a) Tàu biển, phương tiện thủy nội địa mang cấp VR-SB hành hải trên Luồng sông Hậu bắt buộc sử dụng hoa tiêu hàng hải;

b) Tàu cá, tàu kéo/đẩy sà lan, phương tiện thủy nội địa không được hoạt động trong kênh Tắt;

c) Trong trường hợp đặc biệt Giám đốc Cảng vụ hàng hải xem xét, quyết định từng trường hợp cụ thể theo đề nghị của chủ tàu, thuyền trưởng;

d) Luồng được thiết kế hành trình một chiều, chỉ hành trình 02 chiều khi thật sự cần thiết theo quy định tại điểm l khoản 7 Điều này. Chiều hành trình trong ngày được thông báo trên website của Cảng vụ hàng hải, VHF và các phương tiện khác. Chỉ Giám đốc Cảng vụ hàng hải mới có quyền thay đổi chiều hành trình trong ngày cho phù hợp với thực tế khai thác luồng;

đ) Chấp hành theo sự điều phối của Cảng vụ hàng hải; trực canh kênh 16 VHF và phải có thiết bị AIS hoạt động tốt;

e) Tốc độ chạy tàu tối đa theo thiết kế trên đoạn kênh Tắt (từ cặp đăng tiêu 9, 12 đến cặp 19, 22): không quá 07 hải lý/giờ; đoạn kênh Quan Chánh Bố (từ cặp đăng tiêu 19, 22 đến phao 58): không quá 10 hải lý/giờ;

g) Tốc độ chạy tàu tối thiểu trong điều kiện hành trình bình thường trên Luồng sông Hậu không được dưới 05 hải lý/giờ;

h) Khi có sự cố, tai nạn trên Luồng sông Hậu, thuyền trưởng hoặc hoa tiêu phải thông báo cho Cảng vụ hàng hải và chấp hành ngay lập tức yêu cầu của Giám đốc Cảng vụ hàng hải để nhanh chóng giải phóng luồng;

i) Hoa tiêu dẫn tàu hoặc thuyền trưởng phải gọi báo cáo với Đại diện Trà Vinh khi qua 03 vị trí: Đầu đê Bắc và đê Nam; tiếp giáp giữa ngã ba kênh Tắt với kênh Quan Chánh Bố và tiếp giáp giữa kênh Quan Chánh Bố với sông Hậu;

k) Đối với việc hành trình ban đêm trên luồng: tàu biển, phương tiện mang cấp VR-SB có đầy đủ trang thiết bị hàng hải được chạy đêm đoạn từ Khu neo chờ sông Hậu, khu bến Trung tâm điện lực Duyên Hải đến phao "0" Luồng sông Hậu theo Kế hoạch điều động của Cảng vụ hàng hải;

l) Điều động tránh tàu:

- Việc tránh tàu trên Luồng sông Hậu chỉ được thực hiện khi thật sự cần thiết và được sự thống nhất của thuyền trưởng, hoa tiêu sau khi được Cảng vụ hàng hải chấp thuận;

- Tàu thuyền vào, ra luồng hành trình xuôi nước được ưu tiên hành trình, tàu thuyền hành trình ngược nước thực hiện tránh nhau tại các Khu nước tránh tàu;

- Các Khu nước tránh tàu gồm: 02 khu nước tránh tàu được công bố tại Quyết định số 58/QĐ-CHHVN ngày 17/01/2017 của Cục Hàng hải Việt Nam (nay là Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam) về việc công bố Luồng hàng hải cho tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu.

**Điều 11. Yêu cầu đối với tàu thuyền neo đậu**

1. Khi cần thay đổi vị trí neo đã được chỉ định, thuyền trưởng phải kịp thời thông báo cho Cảng vụ hàng hải biết lý do và chỉ khi có sự chấp thuận mới được tiến hành điều động tàu đến vị trí neo mới theo chỉ định, trừ trường hợp để tránh một nguy cơ đâm va trước mắt.

2. Cấm thả neo trong phạm vi luồng, vũng quay trở tàu (trừ trường hợp thả neo để quay trở), khu vực bến phà, bến khách ngang sông, các công trình ngầm, phía dưới đường dây điện cao thế, cầu qua sông, gần các báo hiệu hàng hải hay tại các khu vực hạn chế khác trừ trường hợp bất khả kháng. Trong trường hợp này, không miễn trừ trách nhiệm của thuyền trưởng nếu làm phát sinh thiệt hại về người, tài sản, môi trường do việc thả neo gây ra.

**Điều 12. Cập cầu, cập mạn của tàu thuyền**

1. Hoạt động cập cầu của tàu thuyền trong vùng nước cảng biển tuân thủ các quy định tại Điều 62 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP; các nội dung tại thông báo "Điều kiện an toàn khai thác cảng" của doanh nghiệp cảng và được Cảng vụ hàng hải xem xét, chấp thuận.

2. Nguyên tắc việc cập mạn tàu thuyền trong vùng nước cảng biển thực hiện theo quy định tại Điều 68 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và thông tư hướng dẫn Nghị định 58/2017/NĐ-CP.

- Tàu thuyền cập mạn để cấp nhiên liệu, Tàu công vụ, tàu hoa tiêu tải dầu hay các loại hàng nguy hiểm khác chỉ được cập mạn hàng một;

- Trong trường hợp bất khả kháng tùy theo tình hình thực tế Giám đốc Cảng vụ hàng hải quyết định điều động tàu cập mạn tàu theo quy định;

- Thuyền trưởng tàu thuyền liên quan phải thỏa thuận, thống nhất áp dụng các biện pháp nhằm đảm bảo an toàn khi cập mạn;

- Chỉ khi có kế hoạch chính xác về thời gian làm hàng, tàu thuyền mới được phép hành trình từ vị trí tập kết đến vị trí cập mạn.

3. Trước khi cập mạn phải có Lệnh điều động của Giám đốc Cảng vụ hàng hải.

**Điều 13. Hoạt động của tàu thuyền trên các tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo**

Ngoài những quy định pháp luật hiện hành, tàu khách hoạt động trên các tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo và ngược lại phải thực hiện các yêu cầu sau:

1. Tàu thuyền trưởng chịu trách nhiệm về tính chính xác của Danh sách hành khách nộp cho Cảng vụ hàng hải và Biên phòng.

2. Thuyền trưởng và thuyền viên có nghĩa vụ chấp hành quy định tìm kiếm cứu nạn quy định tại Điều 26 của Nội Quy này và phải có ký kết Quy chế phối hợp tìm kiếm cứu nạn với Trung tâm Phối hợp tìm kiếm, cứu nạn hàng hải khu vực III.

3. Chỉ được hành trình từ 06 giờ 00 đến 18 giờ 00 trong điều kiện tầm nhìn và thời tiết phù hợp theo bản tin thời tiết của Đài Khí tượng thủy văn Nam Bộ.

4. Tuân thủ các quy định về tốc độ khai thác tàu phụ thuộc vào cấp sóng, gió của cơ quan Đăng kiểm.

5. Ngoài việc thực hiện theo quy định về quản lý tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam, chủ tàu thuyền vận chuyển hành khách hoạt động trên các tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo và ngược lại có trách nhiệm như sau:

a) Phổ biến, hướng dẫn hành khách về các trang thiết bị an toàn và quy định về an toàn trước khi tàu thuyền rời cầu cảng;

b) Tổ chức trực, theo dõi, kiểm tra, giám sát (tại bờ) hoạt động của tàu thuyền kể từ thời điểm tàu bắt đầu tiếp nhận hành khách lên tàu đến khi toàn bộ hành khách rời tàu thuyền an toàn ở cảng cuối cùng của hành trình;

c) Tổ chức khai thác tàu thuyền chạy trên tuyến trong điều kiện khí tượng thủy văn phù hợp và theo lịch chạy tàu thuyền trên tuyến đăng ký.

**Điều 14. Hoạt động xây dựng, thi công kết cấu hạ tầng cảng biển và các công trình khác trong vùng nước cảng biển**

1. Hoạt động nạo vét, duy tu luồng hàng hải, thi công công trình:

a) Trước khi tiến hành, chủ đầu tư phải lập Phương án bảo đảm an toàn hàng hải, trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, phê duyệt theo quy định tại Điều 8 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP; có thông báo kế hoạch triển khai thực hiện;

b) Phương tiện trước khi tiến hành hoạt động thi công công trình hàng hải hoặc các công trình khác trong vùng nước cảng biển phải được sự chấp thuận của Giám đốc Cảng vụ hàng hải theo quy định tại Điều 62 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP;

c) Tàu thuyền tham gia thi công nạo vét, duy tu luồng hàng hải phải làm thủ tục đến, rời cảng theo quy định; đồng thời trang bị và vận hành Hệ thống giám sát nạo vét theo quy định tại Nghị định số 57/2024/NĐ-CP ngày 20/5/2024 của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa.

2. Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, tàu cá và tàu du lịch:

a) Phương tiện thủy nội địa có chiều dài nhỏ hơn 20 mét, các phương tiện thủy nội địa chèo tay và tàu cá chỉ được phép hành trình trong vùng nước bên ngoài luồng hàng hải và không được làm ảnh hưởng đến hành trình của tàu thuyền trên luồng. Trong trường hợp phải cắt ngang luồng, các phương tiện này phải hành trình theo đường ngắn nhất với tốc độ bảo đảm an toàn;

b) Tàu du lịch, phương tiện chở khách ngang sông, dọc sông phải hành trình đúng tuyến quy định, phải chủ động tránh sóng và nhường đường cho tàu biển hành trình trên luồng hàng hải;

3. Hoạt động của tàu thuyền tại các khu neo đậu chuyển tải làm hàng:

a) Các phương tiện cập mạn để chuyển tải làm hàng phải chấp hành quy định tại Điều 12 của Nội quy này và tuân thủ Phương án bảo đảm an toàn hàng hải trong hoạt động khai thác;

b) Phương tiện tham gia chuyển tải phải có đủ Giấy chứng nhận đăng ký, đăng kiểm còn hiệu lực. Trước khi tham gia chuyển tải phải được sự đồng ý của chủ đầu tư khu neo đậu chuyển tải và làm thủ tục theo quy định pháp luật;

4. Hoạt động thực tập, diễn tập và huấn luyện của tàu thuyền trong vùng nước cảng biển:

a) Trước khi tiến hành, thuyền trưởng phải gửi văn bản cho Cảng vụ hàng hải xem xét. Trong đó phải ghi rõ thời gian, địa điểm, nội dung. Khi kết thúc phải thông báo;

b) Không được tiến hành khi tàu thuyền đang làm hàng, cấp nhiên liệu và các điều kiện không đảm bảo an toàn khác;

c) Thuyền trưởng chịu trách nhiệm về an toàn, an ninh và phòng ngừa ô nhiễm môi trường trong thời gian tổ chức thực tập, diễn tập và huấn luyện;

5. Hoạt động khai thác khoáng sản:

a) Hoạt động khai thác khoáng sản trong vùng nước cảng biển thực hiện theo Điều 110 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, phải được cơ quan có thẩm quyền cho phép và Giám đốc Cảng vụ hàng hải chấp thuận;

b) Doanh nghiệp trước khi tiến hành hoạt động khai thác phải tuân thủ các yêu cầu dưới đây:

- Lập phương án bảo đảm an toàn hàng hải theo quy định tại Điều 8 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và trình Giám đốc Cảng vụ hàng hải phê duyệt;

- Phương tiện khai thác phải làm thủ tục xin phép Cảng vụ hàng hải theo quy định tại Khoản 3, Điều 62 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP;

- Khai thác đúng vị trí, thời gian hoạt động và số lượng phương tiện trong văn bản chấp thuận; khi có thay đổi phải thông báo cho Cảng vụ hàng hải;

- Khi neo đậu, hoạt động phải thực hiện theo quy định tại Thông tư số 19/2013/TT-BGTVT ngày 16/8/2013 của Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng) quy định việc áp dụng Quy tắc quốc tế về phòng ngừa đâm va tàu thuyền trên biển.

c) Cấm các phương tiện khai thác khoáng sản neo đậu tại các khu vực sau: Luồng hàng hải, vùng nước trước cầu cảng, bến phao và vùng quay trở;

d) Các phương tiện đến nhận, vận chuyển cát, sỏi tại khu vực mỏ cát thực hiện thủ tục theo Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật địa chất và khoáng sản.

## MỤC 4

## DỊCH VỤ HOA TIÊU HÀNG HẢI

### Điều 15. Yêu cầu đối với dịch vụ hoa tiêu hàng hải

Hoạt động hoa tiêu hàng hải trong vùng nước cảng biển thực hiện theo quy định tại Chương XI, Bộ luật Hàng hải Việt Nam 2015, Mục 6 Chương IV của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

### Điều 16. Lập kế hoạch, thông báo, xác báo kế hoạch dẫn tàu

Tổ chức hoa tiêu có trách nhiệm lập và gửi kế hoạch dẫn tàu hàng ngày theo quy định tại Điều 103 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

### Điều 17. Yêu cầu khi đón, trả hoa tiêu

Tàu thuyền khi đến gần vị trí đón trả hoa tiêu phải giảm tốc độ, giữ liên lạc và bố trí cầu thang hoa tiêu theo quy định để hoa tiêu lên, rời tàu an toàn. Khu vực cầu thang hoa tiêu phải được chiếu sáng vào ban đêm, bố trí người trực lành nghề và các thiết bị cứu sinh theo quy định.

### Điều 18. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của hoa tiêu hàng hải khi dẫn tàu

1. Trách nhiệm dẫn tàu của hoa tiêu:

a) Hoa tiêu dẫn tàu phải thực hiện nghiêm chỉnh trách nhiệm và nghĩa vụ quy định tại Điều 104 và 105 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP;

b) Ngoài quy định tại khoản 1 Điều này, hoa tiêu khi dẫn tàu có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Cảng vụ hàng hải biết những nội dung sau:

- Trong trường hợp tàu mình đang dẫn xảy ra tai nạn, sự cố hàng hải hoặc vi phạm các quy định của pháp luật, chậm nhất 24 giờ kể từ thời điểm rời tàu, phải báo cáo bằng văn bản về sự việc xảy ra. Nội dung báo cáo phải nêu rõ: tên tàu, tên hoa tiêu dẫn tàu, thời gian, vị trí tai nạn, sự cố hàng hải xảy ra; loại tai nạn, sự cố hàng hải; diễn biến và biện pháp khắc phục hậu quả đã tiến hành, kết quả thực hiện các biện pháp đó và kiến nghị (nếu có);

- Những nhận biết của mình về sự thay đổi của luồng, của báo hiệu hàng hải, các công trình có thể làm ảnh hưởng đến an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường trong vùng nước cảng biển.

2. Trách nhiệm thông báo tình hình dẫn tàu của hoa tiêu:

Việc hoa tiêu thông báo tình hình dẫn tàu phải thực hiện theo quy định của pháp luật và các yêu cầu sau đây:

a) Ngay trước khi tiến hành điều động dẫn tàu, hoa tiêu có trách nhiệm thông báo cho Cảng vụ hàng hải qua VHF hoặc điện thoại và chỉ tiến hành điều động khi được Cảng vụ hàng hải chấp thuận;

b) Sau khi tàu neo đậu tại vị trí được chỉ định, hoa tiêu có trách nhiệm thông báo cho Cảng vụ hàng hải và chỉ được phép rời tàu sau khi Cảng vụ hàng hải chấp thuận vị trí hiện tại của tàu;

c) Khi dẫn tàu đến vị trí trả hoa tiêu, hoa tiêu có trách nhiệm báo cho Cảng vụ hàng hải biết việc kết thúc dẫn tàu;

d) Thông báo kịp thời cho Cảng vụ hàng hải về việc tàu lai chậm trễ, không đủ số lượng hoặc công suất theo quy định.

**Điều 19. Trách nhiệm, nghĩa vụ của thuyền trưởng khi tự dẫn tàu**

Trong trường hợp thuyền trưởng có Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải, Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải phù hợp tự dẫn tàu có trách nhiệm và nghĩa vụ như hoa tiêu. Chậm nhất 02 giờ trước khi điều động tàu đến, rời cảng biển, thuyền trưởng phải thông báo cho Cảng vụ hàng hải về việc tự dẫn tàu.

**Điều 20. Trách nhiệm phối hợp giữa hoa tiêu, thuyền trưởng, tàu lai dắt hỗ trợ và doanh nghiệp cảng**

Trước khi điều động dẫn tàu vào, rời cầu cảng, bến phao thuyền trưởng hoặc hoa tiêu phải liên lạc với thuyền trưởng tàu lai, doanh nghiệp cảng để kiểm tra tính sẵn sàng của tàu lai, cầu cảng. Trong trường hợp tàu lai, cầu cảng chưa sẵn sàng, thuyền trưởng hoặc hoa tiêu dẫn tàu phải thông báo ngay cho Cảng vụ hàng hải để có biện pháp xử lý kịp thời.

## MỤC 5

## LAI DẮT HỖ TRỢ TRONG VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN

**Điều 21. Sử dụng tàu lai dắt hỗ trợ**

1. Quy định chung về sử dụng tàu lai trong vùng nước cảng biển:

a) Việc sử dụng tàu lai hỗ trợ khi tàu thuyền đến, rời và hoạt động tại cảng biển thực hiện theo quy định tại Điều 64 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

b) Số lượng, công suất tàu lai sử dụng theo quy định cụ thể tại Điều 21 và Điều 22 của Nội quy này.

c) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất dưới 80 mét khi điều động, cập hoặc rời cầu cảng, quay trở, di chuyển vị trí nếu cần thiết cũng có thể yêu cầu tàu lai hỗ trợ.

d) Ngoài quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này, căn cứ điều kiện thực tế, Giám đốc Cảng vụ hàng hải quyết định số lượng và công suất tàu lai trong các trường hợp sau đây:

- Tàu thuyền chở hàng hóa nguy hiểm;

- Các trường hợp khác nhằm bảo đảm an toàn hàng hải.

2. Quy định sử dụng tàu lai:

2.1. Khu bến Duyên Hải - Định An:

2.1.1. Tàu thuyền tự hành vào, rời khu bến Duyên Hải - Định An (bao gồm các trường hợp cập cầu cảng, bến phao, cập mạn)

a) Chiều dài lớn nhất từ 80 mét đến dưới 95 mét, phải sử dụng ít nhất một tàu lai hỗ trợ với công suất tối thiểu 2.000 HP;

b) Chiều dài lớn nhất từ 95 mét đến dưới 110 mét, phải sử dụng ít nhất hai tàu lai hỗ trợ, tổng công suất tối thiểu 3.500 HP; tàu lai nhỏ nhất có công suất tối thiểu 1.500 HP;

c) Chiều dài lớn nhất từ 110 mét đến dưới 125 mét, phải sử dụng ít nhất hai tàu lai hỗ trợ, tổng công suất tối thiểu 4.000 HP; tàu lai nhỏ nhất có công suất tối thiểu 2.000 HP;

d) Chiều dài lớn nhất từ 125 mét đến dưới 145 mét, phải sử dụng ít nhất hai tàu lai hỗ trợ, tổng công suất tối thiểu 5.000 HP; tàu lai nhỏ nhất có công suất tối thiểu 2.000 HP;

đ) Chiều dài lớn nhất từ 145 mét đến dưới 175 mét, phải sử dụng ít nhất hai tàu lai hỗ trợ, tổng công suất tối thiểu 6.500 HP; tàu lai nhỏ nhất có công suất tối thiểu 2.500 HP;

e) Có chiều dài lớn nhất từ 175 mét đến 200 mét, phải sử dụng ít nhất hai tàu lai hỗ trợ, tổng công suất tối thiểu 8.500 HP; tàu lai nhỏ nhất có công suất tối thiểu 3.000 HP;

g) Tàu thuyền có chiều dài lớn hơn 200 mét, phải sử dụng ít nhất hai tàu lai hỗ trợ, tổng công suất tối thiểu 9.000 HP; tàu lai nhỏ nhất có công suất tối thiểu 4.000 HP;

h) Tàu thuyền có chiều dài lớn hơn 145 mét, phải sử dụng một tàu lai hỗ trợ có công suất tối thiểu 2.500 HP khi hành trình qua khu vực đầu đê Bắc vào vũng quay tàu và ngược lại;

2.1.2. Tàu thuyền không tự hành vào, rời khu bến Duyên Hải - Định An (bao gồm các trường hợp cập cầu cảng, bến phao, cập mạn):

Ngoài tàu kéo/đẩy để hành trình, tàu thuyền không tự hành còn phải sử dụng tàu lai hỗ trợ theo quy định dưới đây:

a) Chiều dài lớn nhất nhỏ hơn 100 mét phải sử dụng ít nhất hai tàu lai hỗ trợ, tổng công suất tối thiểu 3.500 HP; tàu lai nhỏ nhất có công suất tối thiểu 1.500 HP;

b) Chiều dài lớn nhất từ 100 mét đến 150 mét phải sử dụng ít nhất hai tàu lai hỗ trợ, tổng công suất tối thiểu 4.500 HP; tàu lai nhỏ nhất có công suất tối thiểu 2.000 HP;

c) Chiều dài lớn nhất trên 150 mét, phải sử dụng ít nhất hai tàu lai hỗ trợ, tổng công suất tối thiểu 5.500 HP; tàu lai nhỏ nhất có công suất tối thiểu 2.000 HP;

2.2. Các khu bến còn lại:

2.2.1. Tàu thuyền tự hành:

a) Chiều dài lớn nhất từ 80 mét đến dưới 95 mét, phải sử dụng ít nhất một tàu lai hỗ trợ với công suất tối thiểu 500 HP;

b) Chiều dài lớn nhất từ 95 mét đến dưới 110 mét, phải sử dụng ít nhất một tàu lai hỗ trợ với tổng công suất tối thiểu 1.000 HP; tàu lai nhỏ nhất có công suất tối thiểu 500 HP;

c) Chiều dài lớn nhất từ 110 mét đến dưới 125 mét, phải sử dụng ít nhất hai tàu lai hỗ trợ, tổng công suất tối thiểu 1.500 HP; tàu lai nhỏ nhất có công suất tối thiểu 500 HP;

d) Chiều dài lớn nhất từ 125 mét đến dưới 145 mét, phải sử dụng ít nhất hai tàu lai hỗ trợ, tổng công suất tối thiểu 2.500 HP; tàu lai nhỏ nhất có công suất tối thiểu 1.000 HP;

đ) Chiều dài lớn nhất từ 145 mét đến dưới 175 mét, phải sử dụng ít nhất hai tàu lai hỗ trợ, tổng công suất tối thiểu 3.500 HP; tàu lai nhỏ nhất có công suất tối thiểu 1.500 HP;

e) Chiều dài lớn nhất từ 175 mét đến 205 mét, phải sử dụng ít nhất hai tàu lai hỗ trợ, tổng công suất tối thiểu 4.500 HP; tàu lai nhỏ nhất có công suất tối thiểu 2.000 HP;

g) Tàu thuyền có chiều dài lớn hơn 205 mét, phải sử dụng ít nhất hai tàu lai hỗ trợ, tổng công suất tối thiểu 5.500 HP; tàu lai nhỏ nhất có công suất tối thiểu 2.500 HP;

2.2.2. Tàu thuyền không tự hành:

Ngoài tàu kéo/đẩy để hành trình, còn phải sử dụng tàu lai hỗ trợ theo quy định dưới đây:

a) Chiều dài lớn nhất từ 80 mét đến dưới 95 mét, phải sử dụng ít nhất một tàu lai hỗ trợ với công suất tối thiểu 1.000 HP;

b) Chiều dài lớn nhất từ 95 mét đến dưới 110 mét, phải sử dụng ít nhất một tàu lai hỗ trợ với công suất tối thiểu 1.500 HP;

c) Chiều dài lớn nhất từ 110 mét đến dưới 145 mét, phải sử dụng ít nhất một tàu lai hỗ trợ với công suất tối thiểu 2.000 HP;

d) Chiều dài lớn nhất từ 145 mét trở lên, phải sử dụng ít nhất một tàu lai hỗ trợ với công suất tối thiểu 2.500 HP;

**Điều 22. Miễn, giảm tàu lai dắt hỗ trợ**

Tàu thuyền có trang bị chân vịt mũi hay thiết bị hỗ trợ điều động phù hợp khác, Giám đốc Cảng vụ hàng hải có thể miễn hoặc giảm số lượng, công suất tàu lai trên cơ sở kiến nghị của thuyền trưởng, tổ chức hoa tiêu hàng hải.

**Điều 23. Trách nhiệm của thuyền trưởng, hoa tiêu tàu được lai dắt hoặc người chỉ huy đoàn lai dắt và thuyền trưởng tàu lai**

1. Khi thực hiện việc lai dắt hỗ trợ tàu thuyền vào, rời cầu cảng, quay trở hoặc di chuyển vị trí neo đậu trong vùng nước cảng biển, thuyền trưởng tàu lai phải thực hiện yêu cầu của thuyền trưởng hoặc hoa tiêu tàu được lai, trừ trường hợp chứng minh được việc thực hiện yêu cầu đó sẽ gây nguy hiểm trực tiếp đến thuyền viên hoặc tàu của mình.

2. Ngoài hoạt động kinh doanh, các tàu lai còn phải thực hiện nghĩa vụ tìm kiếm cứu nạn và các nghĩa vụ cần thiết khác khi có yêu cầu của Giám đốc Cảng vụ hàng hải.

## MỤC 6
## AN TOÀN HÀNG HẢI

**Điều 24. Yêu cầu chung về bảo đảm an toàn hàng hải**

Tàu thuyền khi hoạt động tại cảng biển có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh quy định về bảo đảm an toàn theo quy định tại các Điều 106 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, quy định có liên quan khác của pháp luật và các yêu cầu sau đây:

1. Việc neo đậu, cập cầu, cập mạn của tàu thuyền trong vùng nước cảng biển phải thực hiện đầy đủ các quy định về bảo đảm an toàn hàng hải.

2. Trong thời gian hành trình, điều động cập, rời cầu cảng, bến phao, khu neo đậu, tàu thuyền phải sử dụng máy tàu phù hợp, tránh làm ảnh hưởng đến các công trình và tàu thuyền khác.

3. Tàu thuyền điều động trong vùng nước cảng biển để chạy thử, khử độ lệch la bàn hoặc hiệu chỉnh các thiết bị hàng hải phải thông báo cho Cảng vụ hàng hải biết và chỉ được tiến hành khi được Cảng vụ hàng hải chấp thuận.

4. Hoạt động thực tập, diễn tập và huấn luyện của tàu thuyền trong vùng nước cảng biển phải thực hiện đầy đủ các quy định về bảo đảm an toàn hàng hải.

**Điều 25. Phương án bảo đảm an toàn hàng hải**

Ngoài việc thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm trình Cảng vụ hàng hải xem xét, chấp thuận phương án bảo đảm an toàn hàng hải đối với tàu thuyền hoạt động trong vùng nước cảng biển trong các trường hợp sau:

1. Hành trình của đoàn tàu lai dắt có tổng chiều dài đoàn lai vượt quá 200m.

2. Khi tiến hành diễn tập tìm kiếm cứu nạn; phòng cháy chữa cháy; ứng phó sự cố tràn dầu; an ninh hàng hải.

3. Khi tổ chức lai dắt đối với tàu thuyền có nguy cơ gây mất an toàn hàng hải.

4. Khi tiến hành hạ thủy tàu biển tại các cơ sở đóng mới, sửa chữa tàu biển hoặc khi tiến hành hạ thủy cấu kiện công trình siêu trường, siêu trọng.

**Điều 26. Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn**

Tổ chức, cá nhân hoạt động tại cảng biển có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh quy định về tìm kiếm cứu nạn theo quy định tại Điều 107 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, quy định có liên quan khác của pháp luật và các yêu cầu sau đây:

1. Chấp hành nghiêm chỉnh yêu cầu của Giám đốc Cảng vụ hàng hải về phối hợp tham gia tìm kiếm cứu nạn trong vùng nước cảng biển.

2. Nghiêm cấm mọi hành vi phát tín hiệu cấp cứu giả. Trường hợp do sơ suất trong khi sử dụng các trang thiết bị như phao EPIRB, HF, VHF,... phát tín hiệu cấp cứu giả, thuyền trưởng phải thông báo ngay cho Cảng vụ hàng hải và các cơ quan chức năng, kịp thời áp dụng biện pháp phù hợp để thông báo hủy.

**Điều 27. Xử lý tai nạn hàng hải và sự cố hàng hải**

1. Xử lý tai nạn hàng hải:

1.1. Khi xảy ra tai nạn hoặc sự cố hàng hải, thuyền trưởng của tàu thuyền có liên quan đến tai nạn hàng hải có trách nhiệm:

a) Áp dụng các biện pháp bảo đảm an toàn cho người, phương tiện và tổ chức ngay việc tìm kiếm cứu nạn theo quy định;

b) Thông báo ngay cho Cảng vụ hàng hải qua VHF hoặc các phương tiện thông tin liên lạc khác, đồng thời phải tiến hành ngay các biện pháp phù hợp để giảm tối đa thiệt hại có thể xảy ra và hỗ trợ người, tàu bị nạn nếu không ảnh hưởng đến an toàn của tàu mình.

1.2. Thuyền trưởng tàu thuyền có nghĩa vụ báo cáo cho Cảng vụ hàng hải theo quy định pháp luật về tai nạn hàng hải.

2. Xử lý sự cố hàng hải trên luồng hàng hải:

2.1. Tàu thuyền bị tai nạn, sự cố khi đang hành trình trên luồng hàng hải có trách nhiệm báo cáo ngay cho Cảng vụ hàng hải và thực hiện các biện pháp phòng ngừa ô nhiễm môi trường, đâm va, cháy nổ.

2.2. Tàu thuyền bị mắc cạn, ngoài việc thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này, chủ tàu, thuyền trưởng phải thực hiện ngay các quy định dưới đây:

a) Bị cạn bên ngoài luồng: Thuyền trưởng, chủ tàu quyết định phương pháp rời cạn và báo cáo Cảng vụ hàng hải trong vòng 48 giờ kể từ lúc tàu bị cạn;

b) Bị cạn trong luồng nhưng chưa làm tắc luồng: Trong vòng 24 giờ, chủ tàu hoặc thuyền trưởng phải lập phương án rời cạn trình Giám đốc Cảng vụ hàng hải phê duyệt. Trong thời gian chưa rời cạn, phải tăng cường cảnh giới, kiểm tra an toàn, giữ liên lạc với Cảng vụ hàng hải, hoa tiêu. Sau 03 ngày nếu tàu không ra cạn, Giám đốc Cảng vụ hàng hải sẽ quyết định phương án rời cạn và chủ tàu phải chịu mọi chi phí cho việc cứu cạn;

c) Bị cạn gây ách tắc luồng: Trong thời gian một con nước lớn kế tiếp, nếu không rời cạn được, Giám đốc Cảng vụ hàng hải sẽ quyết định phương án rời cạn và chủ tàu phải chịu mọi chi phí cho việc cứu cạn nhằm giải phóng luồng.

**Điều 28. Phòng, chống cháy, nổ**

Thuyền trưởng, doanh nghiệp liên quan có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh quy định về phòng, chống cháy, nổ tại cảng biển theo quy định tại các Điều 113, 114, 115 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, các quy định pháp luật khác có liên quan và các yêu cầu sau đây:

1. Tàu thuyền chở hàng hóa nguy hiểm, trước khi vào xếp, dỡ hàng hóa tại khu chuyển tải phải trình Cảng vụ hàng hải phương án chuyển tải đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Doanh nghiệp cảng, thuyền trưởng tàu thuyền chở hàng hóa nguy hiểm có trách nhiệm thực hiện các phương án được phê duyệt; duy trì trạng thái sẵn sàng của các trang thiết bị có trong phương án.

3. Khi xảy ra sự cố cháy, nổ trong phạm vi vùng đất cảng, thủy diện cảng, thuyền trưởng và doanh nghiệp cảng liên quan có trách nhiệm thực hiện việc ứng phó kịp thời và thông báo ngay cho Cảng vụ hàng hải, Công an phòng cháy chữa cháy biết để phối hợp xử lý.

4. Tùy từng trường hợp, Giám đốc Cảng vụ hàng hải quyết định các điều kiện cần thiết liên quan đến việc chuyển tải các loại hàng hóa nguy hiểm khác, phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước Quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

## MỤC 7

## AN NINH HÀNG HẢI, LAO ĐỘNG HÀNG HẢI

### Điều 29. Bảo đảm an ninh hàng hải

Tất cả tàu thuyền và các doanh nghiệp cảng biển phải thực hiện nghiêm chỉnh quy định của Bộ luật quốc tế về an ninh tàu biển và cảng biển (ISPS Code), Kế hoạch an ninh tàu biển và cảng biển được cấp thẩm quyền phê duyệt và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

### Điều 30. Lao động hàng hải

1. Tàu biển và doanh nghiệp vận tải biển phải thực hiện nghiêm chỉnh quy định của Công ước Lao động hàng hải năm 2006 (MLC), Nghị định số 121/2014/NĐ-CP ngày 24/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Công ước lao động hàng hải năm 2006 về chế độ lao động của thuyền viên làm việc trên tàu biển và các quy định có liên quan khác của pháp luật.

2. Trong trường hợp xảy ra tai nạn lao động hàng hải, tàu biển và doanh nghiệp vận tải biển phải thực hiện theo yêu cầu tại Thông tư số 37/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2018 của Bộ lao động thương binh và xã hội (nay là Bộ Nội vụ) quy định về khai báo, điều tra, thống kê và báo cáo tai nạn lao động hàng hải.

## MỤC 8

## BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

### Điều 31. Bảo vệ môi trường tại cảng biển

1. Doanh nghiệp cảng biển, tổ chức, cá nhân, liên quan phải tuân thủ đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật Việt Nam và công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; tuân thủ sự kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước tại cảng biển.

2. Cảng biển phải được trang bị phương tiện, thiết bị để thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động hoặc thuê doanh nghiệp có chức năng tiếp nhận, thu gom, xử lý chất thải theo quy định của pháp luật.

3. Cảng biển phải tuân thủ các quy định và quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng phó sự cố tràn dầu và ứng phó sự cố hóa chất độc hại.

4. Cảng, bến thủy nội địa trong vùng nước cảng biển:

a) Xây dựng và thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu theo quy định đối với cảng thủy nội địa và bến thủy nội địa kinh doanh xăng dầu;

b) Bố trí nhân sự quản lý, thực hiện công tác bảo vệ môi trường cảng, bến; Thu gom, xử lý nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của cảng, bến bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật môi trường; thực hiện quan trắc định kỳ nước thải trước và sau khi xử lý theo yêu cầu trong hồ sơ được duyệt; lưu giữ số liệu quan trắc để phục vụ kiểm tra hoạt động của hệ thống xử lý nước thải;

c) Thu gom, phân loại, lưu giữ các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của cảng, bến để xử lý hoặc thuê tổ chức có chức năng xử lý chất thải để tiếp nhận, vận chuyển và xử lý theo quy định.

5. Doanh nghiệp cảng biển, bến phao có trách nhiệm gửi Cảng vụ hàng hải báo cáo quan trắc môi trường định kỳ (sau khi gửi các cơ quan có thẩm quyền).

**Điều 32. Ngăn ngừa ô nhiễm môi trường từ hoạt động tàu thuyền**

1. Các tổ chức, cá nhân, tàu thuyền có nghĩa vụ và trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 116, 117, 118 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

2. Việc chuyển tải dầu hoặc hàng hóa nguy hiểm độc hại khác chỉ được thực hiện tại vị trí do Cảng vụ hàng hải chỉ định, trong điều kiện bảo đảm an toàn và thời tiết phù hợp. Khi thực hiện phải tuân thủ quy trình kỹ thuật an toàn bơm, chuyển hàng hóa và phải có phương tiện, trang thiết bị ứng cứu sự cố dầu tràn, phòng chống cháy nổ phù hợp thường trực tại vị trí làm hàng.

3. Thuyền trưởng, doanh nghiệp liên quan phải thực hiện ngay việc ứng cứu sự cố ô nhiễm môi trường theo yêu cầu của Giám đốc Cảng vụ hàng hải và cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

**Điều 33. Quản lý nước dằn tàu, thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền**

Tàu thuyền, doanh nghiệp liên quan có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh quy định về đổ rác, xả nước thải và nước dằn tàu tại cảng biển theo quy định tại Điều 117 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, quy định có liên quan khác của pháp luật và các yêu cầu sau đây:

1. Rác thải sinh hoạt phải được phân loại theo quy định và đựng trong các dụng cụ chứa phù hợp để đơn vị thu gom rác tiến hành thu gom ngay sau khi tàu đến cảng, sau đó thực hiện 02 ngày/lần đối với tàu hàng, 01 ngày/lần đối với tàu khách.

2. Nước bẩn, cặn bẩn, dầu hoặc hợp chất có dầu và các loại chất độc hại khác phải được chứa vào két riêng và chuyển lên thiết bị thu gom trên bờ theo quy định.

3. Tàu thuyền lưu lại ở vùng nước cảng biển trong khoảng thời gian quá 15 ngày bắt buộc phải thanh thải và xử lý nước bẩn, nước lẫn cặn dầu và các loại chất thải độc hại khác, trừ tàu thuyền đang sửa chữa trong xưởng và tàu thuyền mà máy chính và máy đèn đều không hoạt động.

4. Chất thải thông thường trộn lẫn với chất thải nguy hại thì được thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý như chất thải nguy hại.

**Điều 34. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường**

1. Diễn tập Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu theo Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu ban hành tại Quyết định số 04/2026/QĐ-TTg ngày 23/01/2026 của Thủ tướng Chính phủ, trước khi tiến hành phải thông báo và trình kế hoạch diễn tập cho Cảng vụ hàng hải.

2. Thuyền trưởng, doanh nghiệp cảng và các doanh nghiệp hoạt động hàng hải tại cảng biển có trách nhiệm chấp hành nghiêm chỉnh quy định liên quan tại Điều 118, Điều 119 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu, Quy chế hoạt động ứng phó sự cố hóa chất độc và các văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

## MỤC 9

## TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN, DOANH NGHIỆP HOẠT ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC HÀNG HẢI

**Điều 35. Trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hoa tiêu hàng hải**

Các tổ chức cung cấp dịch vụ hoa tiêu hàng hải trong vùng nước cảng biển phải thực hiện theo quy định tại Mục 6 Chương IV Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, các quy định khác có liên quan của pháp luật và các yêu cầu sau đây:

1. Tổ chức hoa tiêu hàng hải có trách nhiệm bố trí hoa tiêu dẫn tàu theo Kế hoạch điều động tàu thuyền vào, rời cảng của Cảng vụ hàng hải.

2. Tổ chức hoa tiêu hàng hải có trách nhiệm thông báo kịp thời cho hoa tiêu được phân công dẫn tàu về Kế hoạch điều động tàu thuyền của Cảng vụ hàng hải và những thay đổi nếu có.

3. Tổ chức hoa tiêu phải cập nhật và thông báo cho hoa tiêu dẫn tàu các thông số kỹ thuật về bến cảng, bến phao, khu vực neo đậu, khu vực chuyển tải, khu vực quay trở, độ sâu tuyến luồng... cũng như các yêu cầu kỹ thuật khi cập và rời cầu cảng, bến phao.

**Điều 36. Trách nhiệm của doanh nghiệp cảng, bến phao, doanh nghiệp hoạt động bốc xếp tại các khu vực neo đậu, chuyển tải**

Doanh nghiệp cảng, bến phao, doanh nghiệp hoạt động bốc xếp tại các khu vực neo đậu, chuyển tải có trách nhiệm thực hiện các quy định của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, phải đáp ứng, duy trì đầy đủ các quy định về điều kiện kinh doanh khai thác, các quy định khác có liên quan của pháp luật và các yêu cầu sau đây:

1. Đối với doanh nghiệp cảng, bến phao, khu neo đậu chuyển tải:

a) Thông báo cho thuyền trưởng, hoa tiêu, đại lý tàu biển về thông số kỹ thuật của cầu cảng, bến phao và các yêu cầu kỹ thuật trong quá trình cập rời cầu cảng, bến phao ngay khi đồng ý tiếp nhận tàu thuyền vào bến cảng, bến phao;

b) Có quy trình bảo trì và kế hoạch bảo trì cầu cảng, bến cảng do mình quản lý, khai thác theo quy định pháp luật;

c) Chậm nhất 16 giờ hàng ngày, doanh nghiệp cảng phải thông báo bằng văn bản (fax, email hoặc gửi trực tiếp) cho Cảng vụ hàng hải biết kế hoạch điều độ ngày hôm sau của tàu biển và phương tiện thủy nội địa mang cấp VR-SB; trường hợp có thay đổi đột xuất phải thông báo kịp thời bằng văn bản (fax, email hoặc gửi trực tiếp) hoặc bằng điện thoại hay qua VHF để Cảng vụ hàng hải xử lý; Kế hoạch điều độ của phương tiện thủy mang cấp VR-SI, VR-SII, VR-SIII phải thực hiện qua hình thức khai báo thông qua Hệ thống tiếp nhận thông tin vào, rời cảng.

d) Vùng nước trước cầu cảng, khu nước, vùng nước phải được định kỳ khảo sát và công bố thông báo hàng hải theo quy định;

đ) Trong thời gian điều động tàu cập, rời cầu cảng và trong thời gian không có tàu cập cầu, các cần cẩu bờ không được vươn ra phía ngoài vùng nước trước cầu cảng. Trường hợp cần cẩu phải vươn ra ngoài do nhu cầu sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, doanh nghiệp cảng phải thông báo bằng văn bản và chỉ tiến hành khi được Cảng vụ hàng hải chấp thuận; đồng thời, phải áp dụng biện pháp thích hợp nhằm bảo đảm an toàn theo quy định;

e) Có trách nhiệm kê khai, công bố, niêm yết giá theo quy định pháp luật;

g) Thực hiện các yêu cầu về kiểm soát tải trọng tại bến cảng doanh nghiệp đang khai thác, quản lý;

h) Định kỳ khảo sát độ sâu và thông báo điều kiện khai thác, điều kiện thời tiết có thể cập mạn để chuyển tải đến các tổ chức, đơn vị có liên quan;

i) Đối với tàu thuyền phải áp dụng thêm các biện pháp hỗ trợ theo Phương án bảo đảm an toàn khi ra, vào cầu cảng, bến phao; doanh nghiệp cảng, bến phao có trách nhiệm thông báo cho thuyền trưởng, đại lý tàu biển các biện pháp hỗ trợ bổ sung ngay khi đồng ý tiếp nhận tàu thuyền;

k) Căn cứ quyết định công bố khu neo đậu, chuyển tải, hồ sơ thiết kế được duyệt và các quy định pháp luật có liên quan, lập và trình Cảng vụ hàng hải xem xét, phê duyệt Phương án bảo đảm an toàn hàng hải trong quá trình khai thác khu chuyển tải;

l) Đối với doanh nghiệp cảng, bến thủy nội địa trong vùng nước cảng biển khi tiếp nhận tàu biển và phương tiện mang cấp VR-SB phải thông báo cho Cảng vụ hàng hải.

2. Đối với doanh nghiệp hoạt động bốc xếp tại các khu vực neo đậu, chuyển tải:

a) Lập và trình Cảng vụ hàng hải danh sách phương tiện tham gia chuyển tải, chủ trì tổ chức cho các phương tiện cập mạn an toàn và có phương án ứng cứu thuyền viên kịp thời khi cần thiết;

b) Có trách nhiệm kê khai, công bố, niêm yết giá theo quy định pháp luật.

**Điều 37. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển**

1. Cung cấp thông tin, tài liệu và đề nghị thuyền trưởng nghiên cứu, chấp hành nghiêm chỉnh Nội quy cảng biển; các văn bản chỉ đạo, điều hành của Cảng vụ hàng hải và quy định pháp luật.

2. Chủ động liên hệ với Cảng vụ hàng hải và cơ quan chức năng để được cung cấp các thông tin liên quan về điều kiện hành hải, khí tượng, thủy văn, địa chất tại vùng nước Cảng biển và các khuyến cáo về an toàn đối với thuyền trưởng.

3. Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển phù hợp với điều kiện kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển, đại lý viên phải có chứng chỉ phù hợp; thực hiện chức năng dịch vụ đại lý tàu biển trong phạm vi công việc được chủ tàu ủy thác và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

4. Khi bố trí mới, chấm dứt hợp đồng lao động đại lý viên hoặc thay đổi địa chỉ trụ sở, doanh nghiệp chủ quản phải thông báo bằng văn bản cho Cảng vụ hàng hải và các cơ quan quản lý nhà nước tại cảng.

5. Thực hiện báo cáo, cung cấp thông tin theo yêu cầu của Cảng vụ hàng hải và các cơ quan chức năng.

**Điều 38. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ vận tải biển**

Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ vận tải biển thực hiện theo quy định tại Nghị định số 160/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh vận tải biển và điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải, dịch vụ đại lý tàu biển và dịch vụ lai dắt tàu biển; Văn bản hợp nhất số 07/VBHN-BGTVT ngày 24/12/2018 của Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng); Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải; Nghị định số 69/2022/NĐ-CP ngày 23/9/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải và các quy định pháp luật khác có liên quan.

**Điều 39. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lai dắt tàu biển**

1. Doanh nghiệp có trách nhiệm kê khai, công bố, niêm yết giá theo quy định pháp luật.

2. Hàng ngày vào 08 giờ 00 phút, doanh nghiệp phải thông báo qua Fax, Email cho Cảng vụ hàng hải hoặc Đại diện Cảng vụ kế hoạch lai dắt hỗ trợ (tên tàu lai, công suất, thời gian bắt đầu lai dắt hỗ trợ) và chậm nhất vào 16 giờ 00 phút phải thông báo kế hoạch ngày hôm sau. Trường hợp có thay đổi, phải kịp thời thông báo bổ sung ngay khi nhận được yêu cầu cung cấp tàu lai hỗ trợ.

3. Cung cấp dịch vụ tàu lai hỗ trợ tàu cập, rời cầu cảng, bến phao hoặc khu quay trở, di chuyển vị trí trong phạm vi vùng nước trước bến cảng phải chấp hành nghiêm chỉnh quy định tại Nội quy cảng biển về công suất, số lượng tàu lai.

4. Định kỳ 6 tháng (trước ngày 05/01 và 05/07 hằng năm) báo cáo Cảng vụ hàng hải tình hình hoạt động của các tàu lai thuộc doanh nghiệp hoạt động trong vùng nước cảng biển.

**Điều 40. Trách nhiệm của doanh nghiệp đóng mới, sửa chữa, phá dỡ, hoán cải tàu thuyền**

1. Cơ sở đóng mới, phá dỡ, sửa chữa tàu biển phải đáp ứng các điều kiện về bảo vệ môi trường đối với cơ sở phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường; có nhân lực, quy trình kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại và phương án xử lý sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng theo quy định tại Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật an toàn, vệ sinh lao động; có đủ điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy, phương án chữa cháy theo quy định tại Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

2. Chất thải thu gom từ hoạt động đóng tàu, sửa chữa tàu (hạt nix, cát thải…) phải được thu gom tập trung tại các bãi thải hoặc kho chứa phù hợp, có thiết bị che chắn nhằm tránh thẩm thấu khuếch tán vào môi trường không khí, đất, nước.

**Điều 41. Trách nhiệm của doanh nghiệp hoạt động thu gom chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển**

Doanh nghiệp cảng hoặc doanh nghiệp có chức năng tiếp nhận và xử lý chất thải từ tàu thuyền tại cảng phải bố trí phương tiện đủ tiêu chuẩn để tiếp nhận rác thải, nước bẩn từ tàu thuyền và phải tuân thủ quy định về vệ sinh và bảo vệ môi trường.

**Điều 42. Trách nhiệm của tổ chức quản lý, vận hành báo hiệu hàng hải, luồng hàng hải, công bố thông báo hàng hải và bảo vệ công trình hàng hải**

1. Hoạt động quản lý, vận hành luồng hàng hải, báo hiệu hàng hải và công bố Thông báo hàng hải thực hiện theo quy định tại Chương II, Chương III Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

2. Tổ chức trực tiếp quản lý, vận hành báo hiệu hàng hải, luồng hàng hải có trách nhiệm:

a) Bảo đảm các báo hiệu hàng hải thuộc trách nhiệm quản lý, vận hành đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định và phù hợp với nội dung của thông báo hàng hải đã công bố;

b) Kịp thời thông báo cho Cảng vụ hàng hải:

- Khi phát hiện có chướng ngại vật trên luồng; báo hiệu hàng hải bị hư hỏng, mất hoặc sai lệch;

- Trước và sau khi sửa chữa, khắc phục hư hỏng, mất hoặc sai lệch các báo hiệu hàng hải;

- Các thông tin cần thiết khác liên quan đến bảo đảm an toàn hàng hải.

c) Kịp thời cung cấp cho Cảng vụ hàng hải "Bình đồ đo sâu" thể hiện kết quả khảo sát, đo đạc độ sâu luồng hàng hải, thủy diện cảng, vùng neo đậu, vùng đón trả hoa tiêu, vùng quay trở, khu neo đậu, khu chuyển tải, khu nước, vùng nước do đơn vị mình tổ chức thực hiện;

d) Định kỳ hàng quý (chậm nhất đến ngày 05 của tháng đầu tiên quý sau) gửi báo cáo bằng văn bản tình trạng hoạt động của báo hiệu hàng hải về Cảng vụ hàng hải theo Mẫu số 17 quy định tại Phụ lục ban hành kèm Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

3. Tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng, quản lý khai thác công trình hàng hải có trách nhiệm xây dựng, phê duyệt phương án bảo vệ công trình hàng hải theo quy định tại Điều 4, Điều 5 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, Nghị định số 143/2017/NĐ-CP ngày 14/12/2017 của Chính phủ quy định về bảo vệ công trình hàng hải.

## MỤC 10

## CÔNG TÁC PHỐI HỢP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG HÀNG HẢI

### Điều 43. Phối hợp hoạt động giữa các Cảng vụ hàng hải

1. Việc phối hợp hoạt động giữa các Cảng vụ hàng hải được thực hiện theo quy định của pháp luật và chỉ đạo của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam.

2. Cảng vụ hàng hải thực hiện công tác phối hợp với Cảng vụ có vùng nước tiếp giáp theo quy định.

### Điều 44. Phối hợp giữa Cảng vụ với các cơ quan quản lý nhà nước khác

1. Thực hiện theo Điều 121 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

2. Cảng vụ hàng hải và các cơ quan quản lý nhà nước khác chủ động xây dựng Quy chế phối hợp để tăng cường trách nhiệm, năng lực tổ chức thực hiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước.

3. Định kỳ, Cảng vụ hàng hải và các cơ quan quản lý nhà nước khác tổ chức họp đánh giá kết quả thực hiện Quy chế phối hợp.

## MỤC 11

## CÁC NỘI DUNG LIÊN QUAN KHÁC

### Điều 45. Hoạt động thể thao, diễn tập tìm kiếm cứu nạn, hoạt động diễn tập quân sự

1. Việc tổ chức các hoạt động diễn tập tìm kiếm, cứu nạn, an ninh hàng hải; hoạt động thể thao, giải trí và các hoạt động tương tự khác trong vùng nước cảng biển phải thực hiện theo quy định tại Điều 109 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, quy định có liên quan khác của pháp luật.

2. Mô tô nước chỉ được phép hoạt động tại các khu vực được cơ quan có thẩm quyền quy định.

3. Hoạt động diễn tập quân sự thực hiện theo quy định pháp luật về quốc phòng.

**Điều 46. Kiểm dịch y tế, kiểm dịch thực vật, kiểm dịch động vật, phòng chống dịch**

1. Việc kiểm dịch y tế, kiểm dịch thực vật, kiểm dịch động vật và phòng, chống dịch được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Tàu thuyền chỉ được phép tiến hành hun chuột, khử trùng trong khu vực kiểm dịch hoặc tại các vị trí do Cảng vụ hàng hải chỉ định.

3. Trong trường hợp tàu thuyền cần tiến hành xử lý y tế, cách ly giám sát dịch bệnh phải thông báo cho Cảng vụ hàng hải và chỉ được tiến hành tại vị trí chỉ định trên cơ sở ý kiến của các cơ quan chuyên môn; việc thực hiện phải đảm bảo theo đúng quy định.

## Phụ lục

## THÔNG TIN LIÊN LẠC

### I. CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HÀNG HẢI

**1. Trụ sở chính.**

- Địa chỉ: Số 14/11, đường Lê Hồng Phong, phường Bình Thủy, thành phố Cần Thơ;
- Điện thoại: 02923.841.696; Fax: 02923.841.049;
- Email: cangvu.cto@vinamarine.gov.vn;
- Website: cangvuhanghaicantho.gov.vn.

**2. Đại diện An Giang.**

- Địa chỉ: đường Trần Hưng Đạo, khóm Đông Thạnh B, phường Mỹ Thới, tỉnh An Giang;
- Điện thoại: 02966292159;
- Email: daidienangiang@gmail.com.

**3. Đại diện Hậu Giang.**

- Địa chỉ: đường Mai Chí Thọ, phường Hưng Phú, thành phố Cần Thơ;
- Điện thoại: 02936.254.079;
- Email: daidiencvhhhg@gmail.com.

**4. Đại diện Trà Vinh.**

- Địa chỉ: ấp Mù U, phường Duyên Hải, tỉnh Vĩnh Long;
- Điện thoại: 02943.923.213; Fax: 02943.923.214;
- Email: daidiencangvucantho@gmail.com.

### II. CƠ QUAN CHUYÊN NGÀNH TẠI CẢNG BIỂN

**1. Chi cục Hải quan khu vực XIX.**

- Địa chỉ: Số 69 Võ Văn Kiệt, phường Bình Thủy, thành phố Cần Thơ;
- Điện thoại: 029.23841086; Fax: 029.2384111;
- Email: chicuchaiquankv19@customs.gov.vn.

**2. Hải quan Cửa khẩu cảng Cần Thơ;**

- Địa chỉ: Số 18 Võ Nguyên Giáp, phường Hưng Phú, thành phố Cần Thơ;
- Điện thoại: 0292.3841.087 Fax: 0292.3841087;
- Email: hqcangcantho.kv19@customs.gov.vn.

**3. Hải quan Hậu Giang;**

- Địa chỉ: KCN Hậu Giang, KM số 10, xã Châu Thành, thành phố Cần Thơ;
- Điện thoại: 0293.3949090 Fax: 0293.3949100;

- Email: hqhaugiang.kv19@customs.gov.vn.

**4. Hải quan Sóc Trăng.**

- Địa chỉ: Lô B, đường N2, KCN An Nghiệp, xã An Ninh, thành phố Cần Thơ;
- Điện thoại: 0299.637555 Fax: 02993.637557;
- Email: hqsoctrang.kv19@customs.gov.vn.

**5. Hải quan Cửa khẩu cảng Trà Vinh.**

- Điện thoại: 0294.3845455 Fax: 0294.3845454;
- Email: hqtravinh.kv19@customs.gov.vn.

**6. Trạm Công an Cửa khẩu cảng Cần Thơ.**

- Địa chỉ: 131 Lê Hồng Phong, phường Thới An Đông, thành phố Cần Thơ;
- Điện thoại: 0292.3842086; Fax: 0292.3841259.

**7. Trung tâm kiểm soát bệnh tật thành phố Cần Thơ.**

- Địa chỉ: Số 400 Nguyễn Văn Cừ, phường An Bình, thành phố Cần Thơ;
- Điện thoại: 0292.3822351 Fax: 0292.3753788;
- Email: ttksbt@cantho.gov.vn.

**8. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Vĩnh Long.**

- Địa chỉ: Số 24, Hùng Vương, phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long;
- Điện thoại: 02703.822431; Email: ttksbt.syte@vinhlong.gov.vn

**9. Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng thành phố Cần Thơ.**

- Địa chỉ: số 253, Nguyễn Trung Trực, phường Sóc Trăng, thành phố Cần Thơ;
- Fax: 02993.829867.

**10. Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Vĩnh Long;**

- Địa chỉ: số 9B, Khu phố Mỹ An B, phường An Hội, tỉnh Vĩnh Long.

**11. Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng IX;**

- Địa chỉ: Số 386B, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Bình Thủy, thành phố Cần Thơ;
- Điện thoại liên hệ: 0292.3883551, 0292.3883.552.

**12. Cơ quan Thú y Vùng VII;**

- Địa chỉ: Số 88, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Bình Thủy, thành phố Cần Thơ;
- Điện thoại: 02923.820303; Fax: 02923.823386.

**13. Hải quan Cửa khẩu Cảng Mỹ Thới;**

- Địa chỉ: Số 2583 đường Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Thới, tỉnh An Giang;

- Điện thoại: 0296.3832862; Fax: 0296.3831208;

- Email: vt_hqcmt@customs.gov.vn.

**14. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh An Giang;**

- Địa chỉ: số 28, Nguyễn Du, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang;

- Điện thoại: 0296.3852305; Fax: 0296.3853753;

- Email: ttytdp@angiang.gov.vn.

**15. Đồn Biên phòng Cửa khẩu Cảng Mỹ Thới;**

- Địa chỉ: đường Trần Hưng Đạo, khóm Đông Thạnh B, phường Mỹ Thới, tỉnh An Giang;

- Điện thoại: 0296.3831587; Fax: 0296.3930185.